

Bản án số: 289/2025/HS-PT
Ngày 23-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Phạm Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu T - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 253/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Dương Quốc V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo: Dương Quốc V; sinh ngày 03/9/1965 tại Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng); CCCD số: 03006500...; nơi cư trú: Thôn A, xã Hồng Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (nay là thôn A, xã B, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học V: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Công C (đã chết) và bà Phạm Thị C; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Ngoài ra còn có 10 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Đỗ Đăng K, sinh năm 1971;

- Bà Phạm Thị , sinh năm 1976;

- Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1961;

- Ông Trần Văn K, sinh năm 1978;
 - Ông Trần Văn Q, sinh năm 1982;
 - Ông Đào Duy T, sinh năm 1976;
 - Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978;
 - Bà Vũ Thị C, sinh năm 1983;
 - Bà Hà Thị M, sinh năm 1985;
 - Bà Vũ Thị K, sinh năm 1969;
 - Ông Đỗ Xuân V, sinh năm 1983;
 - Bà Lê Thị N, sinh năm 1960;
 - Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1968;
 - Bà Lại Thị N, sinh năm 1966;
 - Ông Dương Văn T, sinh năm 1981;
 - Bà Phạm Thị L, sinh năm 1975;
 - Ông Phạm Văn V, sinh năm 1975;
 - Ông Phạm Quang V, sinh năm 1950;
 - Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971;
 - Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968;
 - Bà Trần Thị T, sinh năm 1970;
 - Ông Phạm Thế A, sinh năm 1977;
 - Ông Dương Văn M, sinh năm 1970;
 - Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963;
 - Ông Phạm Văn K, sinh năm 1963;
 - Bà Phạm Thị B, sinh năm 1981;
- Đều cư trú tại: Thôn A, xã B, thành phố Hải Phòng.
- Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Hải Phòng.
 - *Người làm chứng:*
1. Ông Vũ Xuân T;
 2. Ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, Chi bộ Đảng của 3 thôn A, L và P xã HK, huyện BG, tỉnh Hải Dương (nay là xã BG, thành phố Hải Phòng) tổ chức họp, thống nhất thành Nghị quyết Chi bộ, giao cho lãnh đạo các thôn tìm nguồn từ việc khoán thầu đất lâu dài cho các hộ dân tại từng thôn để lấy kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng trong thôn. Tổng diện tích (trên giấy tờ về việc giao đất) 03 thôn đã giao trái thẩm quyền là 26.603,8m² đất công do UBND xã HK quản lý cho 60 hộ dân (trong đó: 16.598,4m² đất trồng lúa - LUC; 429m² đất bằng trồng cây hàng năm - BHK; 7.469m² đất nuôi trồng T sản - NTS; 528m² đất giao thông - DGT; 1.055,4m² đất T lợi - DTL, 524m² đất kho HTX-TMD), thu tổng số tiền là 6.645.450.000 đồng, cụ thể:

Tại thôn A: Xuất phát từ việc để có nguồn kinh phí phục vụ xây dựng các công trình trong thôn, Dương Quốc V là Bí thư Chi bộ (nhiệm kỳ 2012 - 2015) đã chủ trì, tổ chức họp Chi ủy và họp Chi bộ Đảng vào các ngày 09/6/2014, 26/9/2014, lấy ý kiến của các đảng viên trong chi bộ dự họp, ra Nghị quyết về việc tìm nguồn, giao cho Vũ Xuân T là Trưởng thôn rà soát những vị trí đất xen kẹt, thung vũng trong thôn để bán, giao cho các hộ dân thu tiền lấy kinh phí phục vụ xây dựng các công trình trong thôn và trả chi phí dồn ô đổi thửa. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, do V vi phạm kỷ luật nên ngày 04/10/2014, Đảng ủy xã HK ra thông báo số 07/TB-ĐU phân công bà Vũ Thị T là Phó Bí thư Chi bộ đảm nhiệm việc điều hành Chi bộ từ ngày 02/11/2014 cho đến hết nhiệm kỳ; đến ngày 09/01/2015, V bị cách chức Bí thư Chi bộ.

Thực hiện chủ trương, Nghị quyết của Chi bộ tại cuộc họp ngày 26/9/2014 do V đã đề ra, T đã tiến hành tổ chức cuộc họp quần dân chính Đảng ngày 28/11/2014, trong đó đại diện các ban ngành, đoàn thể, đại diện nhân dân thôn A tham gia. Cuộc họp đã thống nhất vị trí, giá, diện tích đất là rãnh nước hoang cũ trong thôn, thuộc đoạn đường hướng đi thôn LT và thống nhất bán cho 2 hộ dân là hộ ông Phạm Văn V diện tích 375m² đất trồng lúa với giá 82.500.000 đồng; hộ ông Phạm TA diện tích 1.205m² đất trồng lúa, với giá 265.000.000 đồng dưới hình thức khoán thầu. Đến ngày 15/01/2015, thôn đã giao đất cho 2 hộ ông V và ông A.

Sau khi V bị cách chức, Phạm Xuân H đảm nhiệm chức Bí thư Chi bộ từ ngày 11/01/2015 đến 20/8/2017. Vào các ngày 16/8/2015, 11/11/2015, 12/11/2015, 08/1/2016, 10/01/2016, 18/5/2016, 09/9/2016, 11/9/2016, H tiếp tục tổ chức các cuộc họp Chi ủy, Chi bộ Đảng giao cho lãnh đạo thôn tiếp tục rà soát những vị trí đất xen kẹt để bán cho các hộ dân dưới hình thức khoán thầu để lấy kinh phí phục vụ xây dựng các công trình trong thôn. Vũ Xuân T tổ chức rà soát xác định các diện tích đất ở các vị trí: Chiều chuyển dịch, sau làng, Cầu Đĩa, ao ông Yên, hội trường cũ, nghĩa địa, sau nhà văn hóa mới và các diện tích dôi dư - xen kẹt ao hồ, sau đó vào các ngày 28/11/2014, 16/01/2015, 06/7/2015, 17/11/2015, 27/11/2015,

16/3/2016, 18/3/2016, 21/4/2016, 18/9/2016, 14/11/2016, 16/11/2016, 26/12/2016, T tổ chức các cuộc họp quân dân chính Đảng, quân dân chính Đảng mở rộng, họp nhân dân, họp tiểu ban đồn điền đổi thửa lấy ý kiến đồng thuận của nhân dân, các ban ngành đoàn thể rồi báo cáo Chi bộ, Trưởng ban ngành thôn xem xét thống nhất vị trí đất, giá đất, diện tích đất, hình thức giao đất, thu tiền.

Trong các ngày 23/01/2016, 25/3/2016, 04/5/2016, T tiến hành làm hợp đồng giao khoán thầu 5 thửa đất thu tiền của 5 hộ dân gồm: hộ ông Phạm Văn H diện tích 405 m² (gồm 392 m² đất trồng lúa và 12 m² đất giao thông) thu 45.670.000 đồng; hộ ông Đào Duy T diện tích 743 m² (gồm 659 m² đất trồng lúa, 37 m² đất giao thông và 47 m² đất T lợi) thu 55.000.000 đồng; hộ ông Phạm Văn Đ diện tích 170 m² (gồm 68 m² đất trồng lúa và 102 m² đất nuôi T sản) thu 29.000.000 đồng; hộ bà Phạm Thị O diện tích 320 m² (gồm 60 m² đất trồng cây hàng năm, 260 m² đất nuôi trồng T sản) thu 85.000.000 đồng; hộ ông Phạm Văn H diện tích 343 m² (gồm 324 m² đất nuôi trồng T sản và 19 m² đất giao thông) thu 40.000.000 đồng.

Tháng 11/2016, các ngày 01/12/2016, 25/2/2017, 12/6/2017, T giao 21 thửa đất thu tiền của các hộ dân, trong đó 14 thửa có hợp đồng, 7 thửa chưa có hợp đồng (tính đến ngày 27/9/2017) do có một số hộ còn nợ tiền, sau này T đã lập và ký trả 6 hợp đồng bàn giao cho 6/7 hộ dân do đã đóng tiền đủ (trong hợp đồng ghi ngày 01/12/2016), còn 01 hộ chưa được làm hợp đồng, cụ thể 21 hộ được giao đất gồm: hộ ông Phạm Hồng S diện tích 860m² (gồm 829 m² đất trồng lúa và 31 m² đất giao thông), thu 58.300.000 đồng; hộ ông Đỗ Xuân V diện tích 130m² đất trồng lúa, thu 78.000.000 đồng; hộ ông Dương Văn T diện tích 130m² đất trồng lúa, thu 78.000.000 đồng; hộ ông Vũ Văn Đ diện tích 130m² đất trồng lúa, thu 78.000.000 đồng; hộ ông Phạm Văn N diện tích 130 m² đất trồng lúa, thu 88.400.000 đồng; hộ bà Hoàng Thị H diện tích 75m² đất nuôi trồng T sản, thu 12.000.000 đồng; hộ ông Dương Văn Đ diện tích 524m² đất thương mại dịch vụ (là kho hợp tác xã), thu 330.120.000 đồng; hộ ông Dương Văn M diện tích 130m² đất trồng lúa, thu 78.000.000 đồng; hộ ông Trần Văn Q diện tích 260m² đất trồng lúa, thu 152.360.000 đồng; hộ bà Hoàng Thị N diện tích 130m² đất trồng lúa, thu 78.000.000 đồng; hộ ông Phạm Văn V diện tích 402m² đất trồng lúa, thu 11.000.000 đồng; hộ ông Trần Quốc T diện tích 1.900m² (gồm 1.828m² đất trồng lúa, 32m² thuộc đất giao thông, 40m² đất T lợi), thu 50.000.000 đồng; hộ ông Phạm Quang V diện tích 458m² (gồm 20m² đất trồng cây hàng năm và 438m² đất nuôi trồng T sản), thu 12.000.000 đồng; hộ bà Lê Thị N diện tích 2.300m² (gồm 2285 m² đất trồng lúa và 15m² đất T lợi), thu 60.000.000 đồng; hộ bà Nguyễn Thị L diện tích 719m² đất trồng lúa, thu 20.000.000 đồng; hộ ông Phạm Văn P diện tích 334m² đất trồng lúa, thu 9.200.000 đồng; hộ bà Hoàng Thị M diện tích 260m² đất trồng lúa, thu 161.000.000 đồng; hộ ông Đỗ Đăng K diện tích 260m² đất trồng lúa, thu 158.000.000 đồng; hộ bà Lại Thị N (thửa 1) diện tích 1.440m² (gồm

1.402m² đất trồng lúa và 38m đất giao thông) (thửa này giao đất chưa có hợp đồng với lý do chưa nộp đủ tiền so với tổng diện tích hộ dân đang sử dụng), (thửa 2) diện tích 200m² (gồm 181m² đất trồng lúa và 19m² đất T lợi), tổng 2 thửa đã thu 40.000.000 đồng (hộ này còn nợ 40.000.000 đồng); hộ ông Phạm Văn K diện tích 918,4m² đất trồng lúa, thu 202.000.000 đồng.

Tại các cuộc họp chi bộ, họp quân dân chính bàn bạc và triển khai việc giao đất cho các hộ dân để lấy kinh phí xây dựng các công trình trong thôn thì Nguyễn Văn Đ là thanh tra nhân dân, kiêm thủ quỹ của thôn đều tham gia và nhất trí với chủ trương giao đất thu tiền. Trong quá trình lãnh đạo thôn giao đất cho các hộ dân, Đ đã trực tiếp tham gia vào việc thu tiền, quản lý tiền mua đất do các hộ dân nộp, cụ thể: Trong đợt giao đất vào tháng 12/2016 tại hội trường nhà văn hóa cũ thôn A, khi các hộ dân nộp tiền để T giao thầu đất, Đ đã trực tiếp kiểm đếm, thu tiền của 10 hộ dân gồm: hộ Hoàng Thị M, Đỗ Xuân V, Dương Văn T, Vũ Văn Đ, Phạm Văn N, Dương Văn Đ, Vũ Thị N, Phạm Văn T, Đỗ Đăng K, Trần Văn Q với tổng số tiền là 1.279.880.000 đồng. Sau đó, ngày 25/2/2017 tại nhà T khi T lập hợp đồng giao khoán thầu đất cho hộ Phạm Văn K, Đ đã thu số tiền 180.700.000 đồng. Toàn bộ số tiền Đ thu được của 11 hộ dân là 1.460.580.000 đồng đều nhập vào quỹ của thôn A để phục vụ công tác xây dựng các công trình trong thôn. Tổng số 11 thửa đất lãnh đạo thôn giao cho 11 hộ dân mà Đ trực tiếp thu tiền có tổng diện tích là 3.002,4m², gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước là 273.048.000 đồng, số tiền còn lại do T trực tiếp thu và nộp vào quỹ thôn.

Như vậy, từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2017, lãnh đạo thôn A đã giao trái thẩm quyền 28 thửa đất (bằng hình thức khoán thầu, thời hạn sử dụng lâu dài, mục đích sử dụng hầu hết là đất ở, một số hộ dân với mục đích làm vườn, ao) cho 26 hộ dân (trong đó có 2 hộ dân được giao 2 thửa) với tổng diện tích là 15.251,4m² đất công (gồm 13.157,4 m² đất trồng lúa, 80m² đất trồng cây hàng năm, 1.199m² đất nuôi trồng T sản, 170m² đất giao thông, 121m² đất T lợi, 524m² đất loại thương mại dịch vụ) do UBND xã HK quản lý, thu tổng số tiền 2.335.250.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán đất, các đối tượng đã chi cho việc làm 3 tuyến đường thôn, xây dựng nhà văn hóa.

Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 13/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng UBND huyện BG kết luận: Tổng diện tích đất 15.251,4m² gồm: đất trồng lúa (LUC) 13.157,4m², đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 80m², đất nuôi trồng T sản (NTS) 1.199m², đất giao thông (DGT) 170m², đất T lợi (DTL) 121m², đất của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp - đất thương mại dịch vụ (TMD) 524m². Diện tích đất nông nghiệp gồm (đất LUC, BHK, NTS) được áp dụng đơn giá 70.000 đồng/m². Diện tích đất thương mại dịch vụ (TMD) được áp dụng đơn giá 190.000 đồng/m². Diện tích đất T lợi, đất giao thông do UBND xã quản lý: UBND tỉnh Hải Dương không có quy định về giá với đất T lợi, đất giao thông, do

đó Hội đồng định giá không có cơ sở để xác định giá. Giá trị các thửa đất bị giao bán trái thẩm quyền tại thôn A được định giá là 1.110.108.000 đồng.

Kết luận giám định tư pháp tài chính số 3350/GĐTP-TC ngày 09/11/2020 của Sở Tài chính tỉnh Hải Dương kết luận: Tổng giá trị gây thiệt hại tài sản cho nhà nước tại thôn A là 1.110.108.000 đồng. Đối với 170m² đất giao thông, 121m² đất T lợi không có căn cứ định giá do UBND tỉnh Hải Dương không quy định giá đối với đất T lợi và đất giao thông.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, thành phố Hải Phòng căn cứ quy định của pháp luật; xử phạt bị cáo Dương Quốc V 02 năm tù về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt đối với 10 bị cáo khác, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 30/9/2025, bị cáo Dương Quốc V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được H án treo.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, bị cáo mong Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo đang phải nuôi mẹ già, con bị cáo được tặng huy chương chiến sỹ vẻ vang. Bị cáo thực hiện hành vi không vì mục đích lợi ích cá nhân của bị cáo mà theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, lợi ích của người dân trong thôn. Bị cáo mong Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo ngoài xã hội.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo giao nộp giấy khen Huy chương chiến sỹ vẻ vang của con bị cáo đây có thể coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị của địa phương, bị cáo là người có chức vụ khi thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét.

[2]. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của các đương sự và những người này không có kháng cáo, không có liên quan đến kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

- Xét kháng cáo của bị cáo:

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, Dương Quốc V là Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2012-2015 và Phạm Xuân H là Bí thư Chi bộ từ ngày 11/01/2015 đến 20/8/2017, Vũ Xuân T là trưởng thôn A, Nguyễn Văn Đ là Thanh tra nhân dân kiêm thủ quỹ thôn A, xã Hồng Khê đã tổ chức họp bàn, ban hành Nghị quyết Chi bộ, Nghị quyết họp quân dân chính và Nghị quyết họp dân để bán đất trái thẩm quyền (dưới hình thức giao khoán thầu) để lấy kinh phí thi công, xây dựng các công trình phúc lợi của các thôn. Hậu quả làm mất đi quyền quản lý, quyền sử dụng hợp pháp 15.251,4m² đất công, trị giá 1.110.108.000 đồng tại thôn A của UBND xã HK. Các bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn trong thôn nhưng không có thẩm quyền giao đất để thu tiền theo quy định của pháp luật. Do vậy mà hành vi giao đất – thu tiền các hộ dân của các bị cáo là vượt quá quyền hạn của mình, làm một việc ngoài phạm vi chức trách của mình trong khi thi hành công vụ gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo V, H, T và bị cáo Đ phạm vào tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về khung hình phạt và điều luật áp dụng: Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện từ năm 2014 đến năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1, 2 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xác định bị cáo V vi phạm khoản 1 Điều 282 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng quy định của pháp luật và theo hướng có lợi cho bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và phiên tòa, bị cáo V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và áp dụng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo V giao nộp 01 Giấy khen Huy chương kháng chiến của anh Dương Văn K (con trai của bị cáo) nên có thể coi đây là một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V phạm tội không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về vai trò của bị cáo: Bị cáo V làm Bí thư Chi bộ (nhiệm kỳ 2012 – 2015) là người đứng đầu chi bộ đã chủ trì, tổ chức họp Chi ủy và họp Chi bộ Đảng để lấy ý kiến của các đảng viên trong chi bộ dự họp, ra Nghị quyết về việc tìm nguồn, giao cho bị cáo T là trưởng thôn rà soát những vị trí đất xen kẹt, thung vũng trong thôn để bán, giao cho các hộ dân thu tiền lấy kinh phí phục vụ xây dựng các công trình trong thôn A. Thực hiện theo chủ trương, Nghị quyết của Chi bộ tại cuộc họp ngày 26/9/2014 do bị cáo V đã đề ra, bị cáo T đã tiến hành tổ chức cuộc họp quần dân chính Đảng ngày 28/11/2014 đã thống nhất vị trí, giá, diện tích đất là rãnh nước hoang cũ trong thôn, thuộc đoạn đường hướng đi thôn Lôi Trì và thống nhất bán cho 2 hộ dân là hộ ông Phạm Văn V và hộ ông Phạm TA. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo V giữ chức vụ Bí thư chi bộ là người có chức vụ quyền hạn, người khởi xướng, chỉ đạo để các bị cáo khác thực hiện nên bị cáo V giữ vai trò rất quan trọng.

[8] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân. Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Nhưng xét thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Căn cứ khoản 1 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Quốc V phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Quốc V 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Tiếp tục áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo cho đến khi bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

3. Về án phí: Bị cáo Dương Quốc V phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 12, TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 12, TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Phòng THADS KV 12;
- Bị cáo;
- UBND và CA xã B;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Phích